TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 176/2020/DS-PT
Ngày: 05 - 6 - 2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thúy**

Ông **Trương Chí Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lưu Ly** – Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà **Phí Thị ngọc Hương** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân T.X.S.T6., thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **H.T.N1.**, sinh năm 1931;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N1.: Anh **V.V.T2.**, sinh năm 1970. *(có mặt)*

Cùng ĐKNKTT: thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6., TP. Hà Nội.

Bị đơn: Anh **H.T.T3.**, sinh năm 1975; ĐKNKTT: Tàu Trường Sa 18, Hải Đội 411, Bộ Tư lệnh vùng 4 Hải Quân, C.R., tỉnh K.H..

Người đại diện theo uỷ quyền của anh T3.:

1. Anh **H.V.H4.**, sinh năm 1967; Trú tại: thôn V.M., xã Đ.L., T.X.S.T6., thành phố Hà Nội. *(có mặt)*

2. Chị **H.T.L.D5**, sinh năm 1963; Trú tại: P.M., phường P.T., T.X.S.T6., TP Hà Nội. *(có mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Uỷ ban nhân dân T.X.S.T6., TP Hà Nội. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 1 Phó Đức Chính, phường Lê Lợi, T.X.S.T6., TP. Hà Nội.

Do có kháng cáo của bị đơn là anh H.T.T3..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Năm 1960 vợ chồng bà H.T.N1. và ông V.V.K.làm nhà cấp bốn trên thửa đất mà năm 2003 nhà nước đo vẽ lại là thửa đất số 57, tờ bản đồ số 9 tại thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6.. Lối đi từ nhà ra đường thôn là lối đi riêng của gia đình bà N1., không chung với ai.

Khoảng năm 1965 thì vợ chồng ông Xiêm, bà Thêm làm nhà cấp bốn trên thửa đất (giáp đường thôn) liền giáp phía ngoài đất của vợ chồng bà N1.. Ông Xiêm hỏi ông Khẩn cho ông Xiêm mở cổng đi nhờ vào lối đi riêng của gia đình ông bà N1. Khẩn để đi ra đường thôn. Ông Khẩn đồng ý. Gia đình ông Xiêm đi nhờ lối đi của gia đình bà N1. từ năm 1965 cho đến nay.

Khi ông Xiêm còn sống, vì quan hệ huyết thống (ông Xiêm là chú họ của bà N1.) nên hai gia đình hòa thuận, gia đình bà N1. vẫn cho gia đình ông Xiêm đi nhờ vào lối đi riêng của gia đình bà N1.. Sau khi ông Xiêm chết, anh H.T.T3. là con trai của ông Xiêm được bà Thêm cho nhà đất đó và anh T3. đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh T3. lấy vợ và hiện nay vợ chồng anh T3. ở cùng bà Thêm. Quá trình đi nhờ lối đi riêng của gia đình bà N1., chị Giang (vợ anh T3.) có những cách xử sự không đúng mực gây ảnh hưởng đến đến sinh hoạt chung của các thành viên gia đình bà N1.. Bà N1. đã sang nói với bà Thêm và vợ chồng anh T3. là không cho đi nhờ vào lối đi của gia đình bà N1. nữa nhưng họ không đồng ý. Sau đó hai bên gia đình đã xảy ra xô xát. Công an xã và công an thị xã đã phải giải quyết.

Nay bà N1. đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng đất (lối đi hiện nay của gia đình bà N1.) từ đường thôn H.T. vào đến cổng của nhà bà N1., diện tích 41.3m^2 tại thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6. thuộc quyền sử dụng của bà H.T.N1..

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Năm 1965 vợ chồng ông H.V.X7.và bà L.T.T9. làm nhà cấp bốn trên thửa đất phía trong giáp đất của bà N1., phía ngoài giáp với đường thôn (bản đồ đo vẽ năm 2003 là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9) tại thôn H.T., xã Đ.L. quay mặt ra phía lối đi chung với nhà bà N1., cổng mở đi cùng lối đi với nhà bà N1. để đi ra đường thôn. Năm 1970, ông bà phá nhà cũ, làm nhà mới quay lưng ra đường làng, cổng vẫn đi cùng lối đi với nhà bà N1. như vẫn đi chung từ trước đó. Năm 2005, nhà nước cấp GCNQSD đất thửa đất số 56 đứng tên bà L.T.T9.. Năm 2014, bà Thêm tặng cho anh H.T.T3. toàn bộ thửa đất này và tài sản trên đất. Cùng năm 2014, nhà nước cấp GCNQSD đất thửa đất này cho anh H.T.T3.. Nay toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất này là tài sản riêng của anh T3., không liên quan đến ai khác, không ai có quyền lợi gì trong đó. Việc bà Thêm cho anh T3. toàn bộ nhà đất này, tất cả các con của bà Thêm đều nhất trí, không ai có ý kiến gì. Suốt thời gian dài từ năm 1965, gia đình bà N1. và gia đình bà Thêm cùng sử dụng lối đi ra đường thôn không xảy ra điều tiếng gì. Cách đây khoảng 1 năm, anh Thưởng là con trai của bà N1. sang nói với bà Thêm nhà bà đi nhờ lối đi của nhà cháu, phải trả lại đất cho nhà cháu và nhà cháu bịt cổng của gia đình bà lại, không cho đi

nhờ lối đi của nhà cháu nữa. Sau đó anh Thưởng làm đơn gửi UBND xã Đ.L. đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất. Thôn và xã đã 03 lần hòa giải nhưng không đạt kết quả.

Nay bà N1. khởi kiện, yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất là lối đi từ đường thôn vào cổng nhà bà N1. tại thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6. diện tích 41.3m^2 là đất thuộc quyền sử dụng riêng của bà N1. thì anh T3. không đồng ý. Anh T3. đề nghị Tòa án xác định diện tích đất đó thuộc quyền sử dụng chung của cả anh T3. và bà N1..

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân T.X.S.T6.: Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.T.N1. đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 09, diện tích 629m^2 đo đạc bản đồ đất thổ cư năm 2002-2003 xã Đ.L. (bản đồ 299/1985, sổ mục kê là thửa đất số 90+91, tờ bản đồ số 03); bà L.T.T9. đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 09, diện tích 310m^2 đo đạc bản đồ đất thổ cư năm 2002-2003 xã Đ.L. (bản đồ 299/1985, sổ mục kê là thửa đất số 80, tờ bản đồ số 03) và hồ sơ đăng ký biến động do anh H.T.T3. nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bà L.T.T9. đối với thửa đất nêu trên; căn cứ hồ sơ địa chính (bản đồ địa chính đất thổ cư, sổ mục kê, biên bản xác định ranh giới, mốc giới kích thước thửa đất năm 2002-2003 đã được nghiệm thu), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 772951 do UBND T.X.S.T6. cấp ngày 13/9/2005, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 707567 do UBND T.X.S.T6. cấp ngày 17/8/2005, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 813739 do UBND T.X.S.T6. cấp ngày 21/7/2014; qua kiểm tra hồ sơ, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, bản đồ 2002-2003, bản đồ 299/1985 nhận thấy diện tích đất của 02 chủ sử dụng đất đều tăng so với bản đồ 299, hình thể thửa đất giữa bản đồ 299 và bản đồ 2002-2003 cơ bản tương đồng, riêng thửa đất số 90, bản đồ 299 của bà N1. sử dụng có một cạnh tiếp giáp với đường làng chưa khép thửa. Việc Ủy ban nhân dân T.X.S.T6. cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất, chủ sử dụng đất nêu trên đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/ DS-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân T.X.S.T6., thành phố Hà Nội đã quyết định:

Xử: 1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.T.N1. đối với anh H.T.T3. về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Xác nhận diện tích 41.3m^2 đất tranh chấp tại thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6. thuộc quyền sử dụng của bà H.T.N1.. (Có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án dân sự sơ thẩm, ngày 24/11/2019, anh H.T.T3. nộp đơn kháng cáo quá hạn và đã được tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận việc kháng cáo quá hạn. Tại đơn kháng cáo anh T3. đề nghị xét xử lại

bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn. Anh xác định phần diện tích đất tranh chấp ngõ đi là lối đi chung của hai gia đình.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ kiện và không xuất trình các tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Toà án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Bà H.T.N1. khởi kiện yêu cầu xác định phần ngõ đi là ngõ đi của riêng gia đình bà N1. là không phù hợp với nguồn gốc và lịch sử sử dụng phần ngõ đi này. Việc cấp sơ thẩm tuyên xử ngõ đi trên là ngõ đi riêng của gia đình bà H.T.N1. là chưa xem xét toàn diện chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án, chưa phản ánh đúng hiện trạng cũng như quá trình lịch sử sử dụng phần ngõ đi này. Vì vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng xác định phần ngõ đi có diện tích 41,3m2 là ngõ đi chung của thửa đất số 57 và thửa đất số 56 tờ bản đồ số 09 thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6..

- Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Sửa một phần bản án số 07/2019/DS-ST ngày 27/6/2019 của TAND T.X.S.T6..
- Chấp nhận kháng cáo của anh H.T.T3., xác định 41.3m2 đất ngõ đi thuộc quyền sử dụng chung của thửa đất số 57 của hộ gia đình bà H.T.N1. và thửa đất số 56 của hộ gia đình anh H.T.T3..
- Yêu cầu UBND T.X.S.T6. đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 41,3m2 đất ngõ đi sử dụng chung của hộ gia đình bà H.T.N1. và hộ anh H.T.T3..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh H.T.T3. nộp đơn kháng cáo quá hạn và đã được tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận việc kháng cáo quá hạn. Anh T3. đã nộp tiền tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của anh T3., Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy :

Về nguồn gốc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 2003), diện tích 629m^2 tại thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6.: Theo nguyên đơn, năm 1959, gia đình bà H.T.N1. đổi thửa đất của mình ở Rộc Ấp cho ông Hà Văn Bê để lấy thửa đất của ông Bê tại Cổng Bè (Cổng Bến). Năm 1960, bà N1. làm nhà và ở tại thửa đất này. Tại bản Tự khai ngày 03/05/2018 bà H.T.N1. trình bày: ... Đến năm 1965 ông H.V.X7.là bố anh H.T.T3. lên ở thửa đất liền kề nay là thửa đất 56 thôn H.T.. Năm 1960 tôi đã làm đường xây cống. Năm 1965 ông Xiêm hỏi tôi đi nhờ vào lối đi của tôi....Vậy tôi công nhận gia đình anh T3. đi vào lối đi của tôi từ năm 1965 đến ngày nay 2018 là 53 năm. Lời khai của anh V.V.T2. cũng xác nhận gia đình ông Xiêm, bà Thêm là bố mẹ anh T3. đi lối đi này từ 1965 đến nay.

Về nguồn gốc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 2003), diện tích 310m^2 tại thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6.: Theo cụ H.V.K8.và bà L.T.T9. khai thì khoảng năm 1953 – 1955 nhà nước cấp cho cụ Khải thửa đất này. Cụ Khải cho lại cụ Mùi (mẹ chồng bà Thêm). Năm 1965, vợ chồng bà Thêm, ông Xiêm làm nhà ở trên thửa đất này, mở cổng đi vào đường đi mà gia đình bà N1. đang sử dụng.

Theo Đại diện UBND T.X.S.T6.: Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.T.N1. đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 09, diện tích 629m^2 đo đạc bản đồ đất thổ cư năm 2002-2003 xã Đ.L. (bản đồ 299/1985, sổ mục kê là thửa đất số 90+91, tờ bản đồ số 03); bà L.T.T9., sinh năm 1937 đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 09, diện tích 310m^2 đo đạc bản đồ đất thổ cư năm 2002 -2003 xã Đ.L. (bản đồ 299/1985, sổ mục kê là thửa đất số 80, tờ bản đồ số 03); và hồ sơ đăng ký biến động do ông H.T.T3. nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bà L.T.T9. đối với thửa đất nêu trên.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/10/2018 tại UBND xã Đ.L., Sơn Tây, Hà Nội có nội dung: Về nguồn gốc của thửa đất số 56 và 57 địa phương không nắm được. Hai thửa đất này được hai gia đình sử dụng từ trước năm 1985. Trên thực tế hộ bà Thêm đã mở cổng đi vào lối đi của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 9 năm 2003 (chính là thửa số 90, tờ bản đồ số 3 năm 1985) từ trước năm 1985. Tuy nhiên bản đồ năm 1985 thể hiện lối đi đó đi vào thửa số 90; còn bản đồ 2003 lại thể hiện lối đi đó của thửa số 90. Lý do của việc bản đồ năm 1985 và bản đồ năm 2003 thể hiện như vậy là do cán bộ dẫn đạc của thôn vào các thời điểm đó xác định không đúng với thực tế sử dụng lối đi đó (thực tế là lối đi đó năm 1985 cũng như năm 2003 thì các hộ sử dụng thửa đất số 80 và 90 (bản đồ năm 1985) cũng là thửa 56,57 (tờ bản đồ năm 2003) vẫn đang cùng sử dụng chung lối đi đó từ trước năm 1985). Các hộ cùng sử dụng ổn định lâu dài và không có tranh chấp gì. Đến năm 2017 mới xảy ra tranh chấp giữa hai hộ. Quan điểm của địa phương: Xác định toàn bộ diện tích đất của lối đi mà hiện hộ bà N1. và hộ anh T3. đang sử dụng là lối đi chung của hai thửa đất. Tại Đơn xác nhận của ông Cao Đình Mận sinh năm 1951, xác nhận: Năm 2003....Tôi được ông Cao Đình Lũy trưởng thôn giao nhiệm vụ dẫn đạc cho cán bộ tỉnh Hà Tây cũ đi đo đạc cho các hộ, cá nhân có diện tích đất thổ cư. Tôi xin xác định đoạn đường từ gia đình hộ bà L.T.T9. đến hộ gia đình bà H.T.N1. là ngõ đi chung của hai gia đình có trước năm 1965 là đúng sự thật. Tại

Biên bản xem xét thẩm định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 20/5/2020, và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà N1. là anh V.V.T2. cũng xác nhận, khoảng năm 1970 gia đình anh đã xây cổng nhà, cổng được xây ngoài phần diện tích đất ngõ đi đang tranh chấp với anh T3.. Trước khi vào cổng nhà anh, thì phải đi qua diện tích ngõ đi đang tranh chấp với gia đình anh T3.. Đầu năm 2020 anh đã phá cổng này. Diện tích đất tranh chấp là 41,3 m^2 như sơ đồ hiện trạng đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Như vậy cho thấy, phần diện tích đất tranh chấp nằm hoàn toàn phía ngoài cổng đi vào nhà bà N1.. Tại Biên bản lấy lời khai của bà H.T.N1. ngày 24/7/2018 tại Tòa án nhân dân T.X.S.T6., bà N1. trình bày: ...Sau khi ông Khẩn (chồng bà N1.) đổi đất cho ông Bê, do thửa đất của ông Bê ở phía trong thửa đất của cụ Mùi (là mẹ ông Xiêm chồng bà Thêm), lối đi vào thửa đất đó chỉ là bờ ruộng rộng khoảng 30cm, nên ông Khẩn đã đổi một phần đất của mình liền giáp với đất của cụ Mùi cho cụ Mùi để lấy một phần đất của cụ Mùi liền giáp với bờ ruộng từ đường làng vào đất của ông Khẩn để làm lối đi rộng hơn từ đường làng vào thửa đất của ông Khẩn..... việc đo và đổi đất cho nhau bao nhiêu m^2 thì bà N1. không nắm được cụ thể. Như vậy, theo lời khai của bà N1. thì có căn cứ xác định, từ đường làng vào thửa đất của bà N1., thì phải đi qua thửa đất của cụ Mùi (nay đứng tên anh T3.) lối đi vào thửa đất đó chỉ là bờ ruộng rộng khoảng 30cm. Việc đổi đất giữa cụ Mùi và ông Khẩn cụ thể như thế nào thì các đương sự không biết và không có tài liệu chứng minh, nhưng thực tế ngõ đi tranh chấp hiện nay có chiều rộng lớn nhất là 2,83m, nhỏ là 2,46m. Do vậy, có căn cứ để khẳng định diện tích ngõ đi hiện đang tranh chấp có một phần diện tích đất của cụ Mùi và hai gia đình sử dụng từ năm 1965 cho đến năm 2017 mới xẩy ra tranh chấp.

Từ các căn cứ trên xét thấy, đối với diện tích đất tranh chấp 41.3m^2 (ngõ đi) tại thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6., về lịch sử và thực tế do gia đình ông Khẩn, bà N1. sử dụng từ năm 1960. Năm 1965, gia đình ông Xiêm, bà Thêm xây nhà và sử dụng ngõ đi cùng gia đình bà N1. cho đến nay ổn định đã hơn 50 năm. Từ khi sử dụng ngõ đi cho đến nay, các bên cũng không có văn bản thỏa thuận về sử dụng diện tích ngõ đi chung, cũng như không xác định quyền sử dụng đất ngõ đi thuộc về ai. Về các tài liệu thể hiện thông tin về hai thửa đất gia đình bà Thêm và gia đình bà N1. đang sử dụng thì địa phương không lưu giữ tài liệu gì từ năm 1985 trở về trước. Đối với bản đồ 299 năm 1985 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H.T.N1. năm 2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia bà L.T.T9. năm 2005, thì khi đo vẽ sơ đồ thửa đất đều không thể hiện đúng thực tế hiện trạng đang sử dụng ngõ đi của hai gia đình nên phần diện tích ngõ đi đã được nhập vào diện tích sử dụng riêng của bà N1. trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà N1. được cấp. Trên cơ sở đó năm 2017 gia đình bà N1. mới tranh chấp ngõ đi với gia đình bà Thêm, anh T3.. Như vậy, trên cơ sở lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, xác minh tại chính quyền địa phương, có căn cứ xác định diện tích ngõ đi này thực tế được gia đình bà N1. và gia đình bà Thêm mẹ anh T3. sử dụng làm ngõ đi chung của hai gia đình từ năm 1965 cho cho đến khi xẩy ra tranh chấp năm 2017 là đã hơn 50 năm; bà N1. cũng không có tài liệu

chứng cứ nào trước năm 1985 thể hiện diện tích ngõ đi đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng riêng của gia đình bà N1..

Từ những nhận định trên HĐXX phúc thẩm xét thấy không có tài liệu, chứng cứ để xác định phần diện tích ngõ đi đang tranh chấp là diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của bà H.T.N1.. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngõ đi trên là ngõ đi riêng của gia đình bà H.T.N1. là chưa xem xét toàn diện chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án, chưa phản ánh đúng hiện trạng cũng như quá trình lịch sử sử dụng diện tích ngõ đi này. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của anh H.T.T3. và sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân T.X.S.T6. theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định diện tích đất tranh chấp là ngõ đi chung của thửa dất số 56, tờ bản đồ số 09 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 09 thôn H.T., xã Đ.L., TX. Sơn Tây, Hà Nội.

- Kiến nghị UBND T.X.S.T6. đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 772951 thửa đất số 57 tờ bản đồ số 09 thôn H.T., xã Đ.L., TX Sơn Tây, Hà Nội người sử dụng đất H.T.N1. và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 813739 thửa đất số 56 tờ bản đồ số 09 thôn H.T., xã Đ.L., TX Sơn Tây, Hà Nội người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông H.T.T3. đối với diện tích đất ngõ đi là diện tích được sử dụng chung của hai thửa đất trên của bà H.T.N1. và ông H.T.T3..

Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Về án phí dân sự: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà N1. là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà N1.. Do chấp nhận kháng cáo của anh H.T.T3. nên trả anh H.T.T3. tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 164, Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 166, Điều 170, điểm a khoản 1 Điều 179, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, Điều 26; khoản 1Điều 38, Điều 147,Điều 148, khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân T.X.S.T6., thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.T.N1. đối với anh H.T.T3. về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Xác định diện tích 41.3m^2 đất tranh chấp tại thôn H.T., xã Đ.L., T.X.S.T6. thuộc quyền sử dụng chung (ngõ đi chung) của thửa dất số 56, tờ bản đồ số 09 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 09 thôn H.T., xã Đ.L., TX Sơn Tây, Hà Nội của bà H.T.N1. và ông H.T.T3.. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

3. Về án phí: Hoàn trả bà H.T.N1. (do anh V.V.T2. nộp thay) số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001461 ngày 02/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự T.X.S.T6., thành phố Hà Nội.

Hoàn trả anh H.T.T3. 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006746 ngày 06/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự T.X.S.T6., thành phố Hà Nội).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Tiến Dũng

Nơi nhận:
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *TAND TX. Sơn Tây;*
- *Chi cục THADS TX.Sơn Tây;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*